

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 16/3/2023

V/v: *Ly hôn, nuôi con chung
sau khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vi Thị Tuyết Mai**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Lương Văn Cường**

2. Bà **Hoàng Thị Thu Hường**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Đạt** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Bà **Lê Thị Diệu** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa .

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLPT-HNGĐ ngày 16/11/2022 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung sau ly hôn*”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Chị **Nông Thị N** - Sinh năm 1999. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**** Bị đơn:*** Anh **Nông Văn C** - Sinh năm 1987. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn chị Nông Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017, chị và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V,

huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại gia đình bố mẹ đẻ của anh C nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do anh C hay tụ tập uống rượu, chơi bời, không quan tâm đến vợ và con. Mỗi lần uống rượu về, anh C thường xúc phạm chị và bố mẹ đẻ của chị. Mâu thuẫn trên chưa được thôn, xã giải hòa giải lần nào nhưng cũng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Bản thân chị đã xin đi làm ở công ty và sống ly thân với anh C để giải thoát về tinh thần. Do mâu thuẫn vợ chồng đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tinh thần của chị, chị xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh C có 01 con chung là Nông Thị L- Sinh ngày 04/8/2017. Hiện nay con còn nhỏ, đang học mẫu giáo và đang ở cùng với bố mẹ đẻ của anh C.

Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay chị đi làm ở công ty có mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) đến 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). Sau khi ly hôn chị sẽ đưa con về sinh sống cùng với cha mẹ đẻ của chị vì cha mẹ của chị đã nhất trí cho chị và con chị là cháu Nông Thị L về sinh sống lâu dài cùng gia đình ở thôn B, xã T, huyện N, anh C được đi lại thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bị đơn anh Nông Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân, con chung giữa hai vợ chồng về cơ bản đúng như trình bày của chị Nông Thị N. Tuy nhiên mức độ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không trầm trọng như trình bày của chị N mà chỉ là những mâu thuẫn đơn giản và không thường xuyên, nguyên nhân là do chị N đi làm công ty, anh điện thoại chị không nghe máy và có lần anh bắt gặp chị điện thoại cho người đàn ông khác nên anh mới xúc phạm chị N và bố mẹ của chị N nhưng chỉ một, hai lần và anh cũng đã xin lỗi bố mẹ của chị N. Vì vậy anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị N có 01 con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 04/8/2017 như chị N trình bày

Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay anh làm nghề lái máy xúc tại huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn, tuy xa nhà nhưng mỗi tuần anh vẫn có thể sắp xếp về nhà một lần để thăm con và mức thu nhập bình quân hàng tháng của anh là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Xin miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại **Bản án hôn nhân gia đình** sơ thẩm số: 08/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn đã Quyết định: Căn cứ Điều 56, 57, 63, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nông Thị N:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Nông Văn C.

Quan hệ hôn nhân giữa các đương sự chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Nông Thị L, sinh ngày 04/8/2017 cho chị Nông Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Nông Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không được xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ riêng: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản riêng không có nên không xem xét giải quyết.

Không xem xét, giải quyết việc lưu cư sau ly hôn của nguyên đơn tại ngôi nhà của bố mẹ chồng thuộc thôn N, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

4. Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu 300.000,^d(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000,^d(Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001503, ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/9/2022 và ngày 16/9/2022 bị đơn anh Nông Văn C có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm Giao con chung Nông Thị L, sinh ngày 04/8/2017 cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không nhất trí với nội dung kháng cáo của bị đơn, nguyên đơn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định nên được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn anh Nông Văn C về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung Nông Thị L, sinh ngày 04/8/2017 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX thấy:

[2.1] Chị N và anh C có 01 (Một) con chung là cháu Nông Thị L, sinh ngày 04/8/2017, cả chị N và anh C đều có nguyện vọng nuôi con chung sau khi ly hôn, do vậy để đảm bảo quyền lợi chính đáng và phát triển toàn diện của con phải xem xét khách quan, toàn diện các điều kiện nuôi dạy con của anh C và chị N.

[2.2] Về các điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Cả chị N và anh C đều chưa có nhà riêng, đều đi làm xa nhà không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung. Về thu nhập, cả anh C, chị N đều khẳng định bản thân có thu nhập ổn định đảm bảo nuôi dạy con chung sau ly hôn, chị N cung cấp cho Tòa án phiếu lương hàng tháng mà chị được trả lương tại công ty DAALLVINA là 7 triệu đến 8 triệu đồng/tháng, anh C cung cấp cho Tòa án hợp đồng lao động với nội dung công việc là lái máy xúc, thời hạn hợp đồng là 12

tháng nhưng không cung cấp được các tài liệu thể hiện việc thu nhập hàng tháng, do vậy không có căn cứ xác định thu nhập của anh C là ổn định. Về điều kiện nơi ở, chị N và anh C đều ở chung với bố mẹ, bố mẹ anh C đã quá tuổi lao động hay ốm đau còn bố mẹ chị N có sức khỏe và còn trong độ tuổi lao động có thể hỗ trợ chị N chăm sóc cháu L khi chị N vắng nhà hơn nữa bố mẹ chị N cũng nhất trí sau khi chị N ly hôn sẽ đón chị N và cháu Nông Thị L về sống cùng để chăm sóc, bản thân cháu Nông Thị L còn nhỏ, giới tính nữ, hiện đang độ tuổi mẫu giáo, nên cần thiết có mẹ bên cạnh để trực tiếp chăm sóc, hướng dẫn cháu phát triển toàn diện về mọi mặt tâm sinh lý và thể chất, còn anh C mặc dù là bố nhưng không thể gần gũi chỉ bảo con được như người mẹ, do vậy sẽ không chăm sóc chu đáo, tận tình như sống cùng với mẹ.

Với những phân tích và nhận định trên có căn cứ khẳng định việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do vậy đơn kháng cáo của anh C không có cơ sở để chấp nhận, cần bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Bị đơn là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự dân sự phúc thẩm cho bị đơn.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn thấy có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nông Văn C. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2022/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Tuyên xử:

- *Về con chung:* Giao con chung Nông Thị L, sinh ngày 04/8/2017 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Nông Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Tòa án không xem xét, giải quyết

2. Về án phí

Anh Nông Văn C được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh Nông Văn C tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà anh C đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001527 ngày 16/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự ;
- UBND xã V, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vi Thị Tuyết Mai